**BỘ ĐỀ NGỮ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH CÙNG CHỦ ĐỀ BÀI 1**

**TRUYỆN ĐỒNG THOẠI**

**NGỮ VĂN 6 KÌ 1**

**ĐỀ 1:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn | **Nhận biết:**  **-** Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**Phần I. Đọc-hiểu** *(6.0 điểm)*

**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*“Gió bấc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất… Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:*

*- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!*

*- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.*

*Nhím nhặt chiếc que khều… Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giũ nước, quấn lên người Thỏ:*

*- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.*

*- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.*

*Nhím ra dáng nghĩ:*

*- Ừ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.*

*Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.*

(Trích “*Những chiếc áo ấm*”, Võ Quảng)

**Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (***Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).*

**Câu 1:** Thể loại của đoạn trích trên là:

A. truyện cổ tích B. truyện đồng thoại

C. truyện truyền thuyết D. truyện ngắn

**Câu 2:** Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. lời của người kể chuyện B. lời của nhân vật Nhím

C. lời của nhân vật Thỏ D. lời của Nhím và Thỏ

**Câu 3:** Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.

B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.

C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.

D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

**Câu 4.** Chi tiết nào miêu tả Nhím và Thỏ khiến em liên tưởng đến đặc điểm của con người?

A. Thỏ đuổi theo.

B. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên.

C. Một chú Nhím vừa đi đến.

D. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.

**Câu 5:** Em hiểu nghĩa của từ “*tròng trành*” trong câu “*Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước.”* là gì?

A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.

B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.

C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.

D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

**Câu 6:** Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

A. Bị ngã khi cố với một chiếc khăn.

B. Tấm vải của Thỏ bị gió cuốn đi, rơi trên ao nước.

C. Bị thương khi cố khều tấm vải mắc trên cây.

D. Đi lạc vào một nơi đáng sợ.

**Câu 7**. Khi thấy Thỏ bị rơi chiếc áo khoác xuống nước, Nhím đã có hành động gì?

A. Bỏ đi, mặc kệ Thỏ một mình.

B. Tiến lại gần và đưa chiếc que cho Thỏ khều tấm vải.

C. Lấy giúp Thỏ, giũ nước, quấn lên người Thỏ.

D. Nhờ một người bạn khác giúp đỡ Thỏ.

**Câu 8:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời nhận xét sau để thể hiện đúng nhất thái độ của Nhím đối với Thỏ qua câu nói “*Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được*?”

Nhím……………. cho Thỏ.

A. lo sợ B. lo lắng C. lo âu D. lo ngại

**Câu 9** *(1.0 điểm)*:Cho biết nội dung chính của đoạn trích trên?

**Câu 10** *(1.0 điểm)*:Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

**Phần II. Làm văn** *(4.0 điểm)*

Viết bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Phần I. Đọc – hiểu**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | | **B** | **A** | **A** | **D** | **C** | **B** | **B** | **D** |   **Mỗi câu đúng được 0.5 điểm** | | **4.0** |
| **Câu 9** | -Nói lên tình bạn bè thân thiết. Tấm lòng giúp người hoạn nạn khi khó khăn.  - Nhím là một người vô cùng tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn. Thỏ có Nhím làm bạn chính là tình bạn đáng quý. | **1.0** |
| **Câu 2** | - HS nêu được những bài học phù hợp:  + Có lòng nhân ái, yêu thương mọi người  + Cần biết cảm thông, thấu hiểu, giúp đỡ người khác khi họ khó khăn.  + Nhanh nhẹn, linh hoạt khi gặp khó khăn,…  *(HS rút ra 1 thông điệp hợp lí thì chấm ½ số điểm; HS rút ra từ 2-3 thông điệp có diễn giải hợp lí thì chấm điểm tối đa).* | **1.0** |
| **Phần II. Làm văn (4.0 điểm)** | | |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự*  Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh | 0.25 |
| *c. Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Những ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân. | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc | 0.5 |

**ĐỀ SỐ 2:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, thể loại. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba (2)  **Thông hiểu:**  - Hiểu được công dụng của trạng ngữ. (3)  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.(4)  - Hiểu được nghĩa của từ ghép trong văn bản. (5)  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (6)  - Trình bày ý kiến về hành động của nhân vật.(7) | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

**CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN**

*Mùa xuân, đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.*

*Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ . Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.*

(Theo Đoàn Công Lê Huy trong mục *“Trò chuyện đầu tuần”*

của báo Hoa học trò số 1056. 21/4/2014)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Từ “Mùa xuân” trong câu “Mùa xuân, đất trời đẹp.” là trạng ngữ chỉ gì?

A. Thời gian . B. Nơi chốn.

C. Cách thức. D. Phương tiện.

**Câu 2**. Từ ghép “Giản dị” có nghĩa là: “đơn sơ không cầu kì, kiểu cách” đúng hay sai?*(3)*

1. Đúng
2. Sai

**Câu 3.** “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn” được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại.

C. Truyền thuyết. D. Thần thoại.

**Câu 4**. Xác định ngôi kể trong câu chuyện trên. (2)

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ ba.

C. Ngôi thứ hai. D. Không có ngôi kể.

**Câu 5**. Chim Én giúp Dế Mèn đi chơi bằng cách nào? (1)

A. Chim Én cõng Dế Mèn trên lưng cùng bay đi.

B. Dế Mèn đi một mình, còn Chim Én bay trên cao chỉ đường.

C. Hai Chim Én ngậm 2 đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa.

D. Hai Chim Én ngậm một cọng cỏ khô. Dế Mèn leo lên lưng Chim Én.

**Câu 6**. Hành động của hai Chim Én khi giúp Dế Mèn thể hiện phẩm chất gì? (4)

A. Đoàn kết.

B. Kiên trì

C. Nhân ái.

D. Dũng cảm.

**Câu 7** Nhân vật chính trong câu chuyện trên là ai? (1)

A. Chim Én, Dế Mèn. B. Dế Mèn.

C. Chim Én. D. Dế Choắt.

**Câu 8**. Tại sao Chim Én muốn đưa Dế Mèn cùng đi chơi?(4)

A. Vì yêu thương bạn

B. Vì muốn chia sẻ niềm vui.

C. Vì Dế Mèn đang buồn.

D. Vì Dế Mèn nhờ giúp đỡ.

**Câu 9** Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Dế Mèn trong câu chuyện không? Vì sao? (7)

**Câu 10** Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn”.(6)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình. | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất.  - Lí giải được lý do nêu bài học ấy. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể lại một trải nghiệm* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm của bản thân*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân.  - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc sau trải nghiệm đó. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 3:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy)  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và lí phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, nêu được tác dụng của BPTT.  **Vận dụng**:  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sử dụng PTBĐ chính là miêu tả, tái hiện được chân thực, sinh động khung cảnh và nêu được những thông tin về ý nghĩa của cảnh sinh hoạt |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

1. **ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi**

**CON VẸT NGHÈO**

Hằng năm, mỗi khi mùa xuân về, các giống chim và thú vật lại rủ nhau tới rừng mở hội. Nào Voi, Gấu, Hổ, Lợn Lòi... trổ tài thi khoẻ. Nào Khỉ, Vượn, Sóc... đua nhau leo trèo. Còn các giống chim khác thì thi giọng hát.

Trong bầy chim muôn hình ngàn vẻ kia, có chú Vẹt áo đen. Chú ta cũng khấp khởi đi thi. Gặp ai, nó cũng khoe mình có rất nhiều giọng hót. Nhìn thấy Vượn, nó hú tiếng Vượn. Nhác thấy Ếch bì bộp nhảy ra, nó cũng hé mỏ "ộp ộp" luôn. Trên đường đi, gặp Họạ Mi đang cố luyện giọng, Vẹt tỏ vẻ thương hại. Nó nghĩ: "Việc gì mà phải hót lên hót xuống mãi thế?". Gặp Sáo líu lo khúc hát đồng quê, Vẹt không thèm lắng nghe. Cậy mình biết hót nhiều giọng còn tuyệt vời hơn thế, nên nó huênh hoang lắm. Gặp ai, nó cũng khoe trước:

- Kì thi này, tôi chiếm giải nhất cho mà xem!

Vào cuộc thi, tất cả đều rất vui và cũng rất lo. Sẽ có và đang có ở đây biết bao nhiêu tài năng, chưa thể rõ ai xuất sắc nhất. Bởi thế, loài chim nào cũng yên lặng đợi chờ. Chỉ có Vẹt là cứ lăng xăng, chạy chỗ nọ chỗ kia, làm như mình sắp đoạt giải đến nơi.

Đã tới giờ thi tài. Giám khảo Chim Khuyên và Ếch mời các bạn trong rừng hãy hăng hái ghi tên biểu diễn. Trong lúc chờ đợi xem ai ra trước, Vẹt nhấp nhổm nhưng chưa dám xung phong. Bỗng nghe "quạc quạc", Vẹt quay lại. A, Vịt à? Vịt ra trước à? Thấy vậy, Vẹt ta liền nhảy vào hót lên một chuỗi âm thanh líu ríu. Chim Khuyên nhấc bút định chấm cho Vẹt tám điểm, thì Liếu Điếu kêu:

- Đấy là tiếng hót của tôi!

Ban giám khảo bảo Vẹt hót lại. Vẹt liền đập cánh, vươn cổ gáy một hơi dài. Gà Trống lên tiếng:

- Đấy là tiếng hót của tôi!

Vẹt tức mình, huýt một hồi lanh lảnh. Chích Choè đứng bên cạnh nhận ngay đấy là giọng hót của Chích Choè.

Giám khảo Ếch liền bảo Vẹt hãy hót lên tiếng hót của chính mình. Vẹt nhướn cổ, hú rõ to. Ngay lúc đó, Vượn nhào tới túm lấy Vẹt:

- Sao lại hú tiếng của tớ?

Vẹt hoảng hốt bay lên. Nó không làm sao nghĩ ra cho được tiếng hót của mình nữa. Nó ngượng nghịu nhìn các bạn. Từ xưa đến nay, Vẹt chỉ biết bắt chước, hót theo tiếng hót của người khác mà thôi. Nó hót đấy mà nó không hiểu gì cả. Tới lúc này, nó mới biết là nó rất nghèo. Nó không có tiếng hót riêng...

*(*TheoPhong Thu*,* NXB Kim Đồng, 2018, tr.149-151*)*

**I. TRẮC NGHIỆM (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Văn bản Con Vẹt nghèo thuộc thể loại nào? (NB) (1)

1. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyền thuyết D. Truyện thần thoại.

**Câu 2:** Văn bản được kể bằng lời của ai? (NB) (2)

1. Lời của chú Vẹt B. Lời của người kể chuyện

C. Lời của chú Ếch C. Lời của chim Khuyên.

**Câu 3:** Tìm từ láy trong câu sau: Chỉ có Vẹt là cứ lăng xăng, chạy chỗ nọ chỗ kia, làm như mình sắp đoạt giải đến nơi. NB (3)

1. Đến nơi B. Đoạt giải C. Lăng xăng D. Chỗ nọ.

**Câu 4:** Vì sao Vẹt không nghĩ ra tiếng nói của riêng mình? TH (5)

1. Vẹt luôn chủ quan, kiêu ngạo.
2. Vẹt thường bắt chước tiếng hót của muôn loài.
3. Vẹt luôn cho mình là đúng.
4. Vì Vẹt có tính chủ quan, kiêu ngạo, không chú tâm học hỏi.

**Câu 5:**  Nhận xét nào sau đây đúng với chủ đề truyện Con Vẹt nghèo? TH (2)

1. Ca ngợi tính cách tự tin, tự lập trong cuộc sống.
2. Giải thích các tiếng kêu đặc trưng riêng biệt của loài vật.
3. Phê phán những kẻ chủ quan, kiêu ngạo, không tìm tòi, sáng tạo.
4. Khẳng định tài năng bắt chước các giọng hót khác nhau của chú Vẹt.

**Câu 6:** Sắp xếp sự thay đổi về cảm xúc của con Vẹt theo trình tự thời gian thích hợp: TH (1)

1. Vẹt hoảng hốt vì không nghĩ ra tiếng hót của mình.
2. Vẹt ngượng nghịu vì nghèo tiếng hót.
3. Vẹt háo hức, huênh hoang về giọng hót của mình và tự tin như sắp đoạt giải.
4. Vẹt nhấp nhổm không dám thi và rồi bắt chước tiếng hót của muôn loài.

1…… 2…… 3…… 4……

**Câu 7:** Văn bản Con Vẹt nghèogiúp em liên tưởng đến câu thành ngữ nào sau đây? TH (6)

1. Ếch ngồi đáy giếng
2. Thuộc như cháo
3. Hót như khướu.
4. Học tài thi phận

**Câu 8:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống: TH (6)

Văn bản Con Vẹt nghèosử dụng biện pháp tu từ chính là (1)….để hình ảnh các con vật có những hành động, lời nói như con người. Từ đó văn bản trở nên (2)....., gần gũi với đối tượng trẻ em hơn, bộc lộ được ý nghĩa mà văn bản hướng tới.

**Câu 9:** Em có đồng tình với hành động “bắt chước” của Vẹt hay không? Vì sao? VD (1)

**Câu 10:** Bài học trong cuộc sống mà em rút ra từ văn bản Con Vẹt nghèo là gì? VD (1)

1. **TỰ LUẬN ( 4,0 ĐIỂM)**

Tại ngôi trường em đang học tập, hằng ngày có rất nhiều cảnh sinh hoạt diễn ra dưới sân trường đầy thú vị. Em hãy tả lại một trong những cảnh sinh hoạt ấy.

(*Gợi ý: Giờ ra chơi, chào cờ, múa hát sân trường,...*)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | 1-C, 2-D, 3-A, 4-B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | 1. Nhân hóa , (2) Sinh động ( Sống động)   ***\*Lưu ý: GV linh động theo cách diễn đạt của học sinh*** | 0,5 |
|  | **9** | - Nêu được ý kiến: Đồng tình một phần/Không đồng tình  - Lí giải được lí do lựa chọn của bản thân  **Gợi ý:** - HS lý giải theo ý kiến đồng tình một phần vì hành động bắt chước có thể làm ở một số trường hợp như: Bắt chước làm việc tốt, bắt chước thái độ sống đúng đắn.   * HS lý giải không đồng tình vì bắt chước sẽ khiến bản thân không có sự sáng tạo, không có lập trường, bản lĩnh của mình.   ***\*Lưu ý: GV linh động theo cách hiểu, diễn đạt của học sinh*** | 1,0 |
|  | **10** | - Nêu được cụ thể bài học, ý nghĩa của bài học  - Lí giải tại sao nêu ra bài học ấy | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Tả về cảnh sinh hoạt* | 0,25 |
|  | *c. Tả cảnh sinh hoạt dưới sân trường em*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  ***MB:***  - Giới thiệu khung cảnh sinh hoạt được tả  -Thời gian, địa điểm  ***TB:***  - Tả cảnh sinh hoạt chung bằng cái nhìn bao quát  - Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần  - Tả sự thay đổi của sự vật, của bức tranh sinh hoạt trong thời gian, không gian.  ***KB:***  Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.  ***\*Lưu ý: GV linh động theo cách diễn đạt của học sinh*** | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 4:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng điểm** | | | ***1,5*** | ***0,5*** | ***2,5*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1,0*** | **10,0** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2)  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy). (3)  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (4)  - Hiểu được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. (5)  - Nêu được chủ đề của văn bản. (6)  - Xác định được các thành phần chính của câu: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ. (7)  **Vận dụng**:  - Trình bày ý nghĩa của nghệ thuật nổi bật của văn bản. (8)  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. (9) | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN**  **1\*** | **5TN**  **1\*** | **2 TL**  **1\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20%*** | ***40%*** | ***30%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

**I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

*Bà kiến đã già, một mình ở trong cái tổ nhỏ dưới mô đất, vừa chật hẹp, vừa ẩm ướt. Mấy hôm nay, bà đau ốm cứ rên hừ hừ. Ðàn kiến con đi tha mồi, qua nhà bà kiến, nghe tiếng bà rên liền chạy vào hỏi thăm:*

*– Bà ơi, bà làm sao mà kêu rên vậy?*

*– Ôi cái bệnh đau khớp nó hành hạ bà khổ quá đi mất! Nhà bà ở đây lại ẩm ướt, thiếu ánh nắng, khó chịu lắm các cháu ạ!*

*Ðàn kiến con vội nói:*

*– Thế thì để chúng cháu đưa bà đi sưởi nắng nhé!*

*Một con kiến đầu đàn chỉ huy đàn kiến con, tha về một chiếc lá đa vàng mới rụng, cả đàn xúm vào dìu bà ngồi lên chiếc lá đa, rồi lại cùng ghé vai khiêng chiếc lá đến chỗ đầy ánh nắng và thoáng mát. Bà kiến cảm thấy thật khoan khoái, dễ chịu….*

(Trích truyện: *Đàn kiến con ngoan ngoãn*, Tiếng Việt 1, Tập1- sách Kết nối tri thức, trang 34, NXBGD 2020)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại

C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngắn

**Câu 2:** Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi thứ mấy? (2)

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ ba

**Câu 3**: Nhân vật chính trongvăn bản trên là ai? (1)

A. Bà kiến già B. Đàn kiến con

C. Bà kiến già và đàn kiến con D. Chiếc lá đa

**Câu 4:** Câu văn “*Ðàn kiến con đi tha mồi, qua nhà bà kiến, nghe tiếng bà rên liền chạy vào hỏi thăm”* có chủ ngữ là từ loại nào hay cụm từ nào dưới đây? (7)

A. Danh từ B. Cụm danh từ

C. Động từ D. Cụm động từ

**Câu 5:** Chi tiết *“đưa bà kiến già đi sưởi nắng”* thể hiện hành động ngược đãi, thiếu tôn trọng của đàn kiến con đối với bà kiến già? (4)

A. Sai B. Đúng

**Câu 6:** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau: Văn bản:*“Đàn kiến con ngoan ngoãn”* thể hiện tình cảm … của tác giả đối với loài vật. (5)

A. Kính trọng B. Quan tâm

C. Tự hào D. Trân trọng

**Câu 7:** Câu nào sau đây nói đúng chủ đề của văn bản? (6)

A. Văn bản ca ngợi tình yêu thương nhau trong cuộc sống.

B. Văn bản ca ngợi tình cảm sâu sắc của đàn kiến với bà kiến.

C. Văn bản ca ngợi tinh thần đoàn kết của đàn kiến.

D. Văn bản ca ngợi sự ngưỡng mộ của bà kiến già đối với đàn kiến con.

**Câu 8:** Xác định các thành phần chínhtrong câu: *“Mấy hôm nay, bà đau ốm cứ rên hừ hừ”*? (7)

A. *Mấy hôm nay, bà đau ốm // cứ rên hừ hừ.*

B. *Mấy hôm nay, bà đau ốm cứ rên // hừ hừ.*

C. *Mấy hôm nay, bà // đau ốm cứ rên hừ hừ.*

D. *Mấy hôm nay, bà đau // ốm cứ rên hừ hừ***.**

**Câu 9:** Đoạn trích trên sử dụng thành công biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp ấy?(8)

**Câu 10:** Em học tập được gì thông qua hành động của đàn kiến con? (9)

**II. VIẾT (4,0 điểm).**

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, được học tập bao điều mới lạ…Từ đó, em hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ nhất về chuyến đi của mình.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - HS trình trả lời đúng biện pháp tu từ nổi bật: nhân hoá.  ***-* Hs nêu đúng tác dụng….** | 0.5  0.5 |
|  | **10** | - HS có thể trả lời:  + Nêu được bài học: Trong cuộc sống của chúng ta cần quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau...  ***HS có thể diễn đạt theo ý của mình, nếu hợp lí vẫn cho trọn điểm.*** | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  |  | b. *Xác định đúng yêu cầu của đề*  *Kể về một trải nghiệm* | 0,25 |
|  |  | *c.Kể lại một trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự kiện chính trong chuyến trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. | 2,5 |
|  |  | *d.Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 5:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **4** | **0** | **3** | **1** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***15*** | ***20*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2)  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. (3)  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy). (4)  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (5)  - Nêu được chủ đề của văn bản. (6)  - Xác định các biện pháp tu từ, công dụng của từ láy được sử dụng trong văn bản. (7)  **Vận dụng**:  - Trình bày ý kiến về hành động của các nhân vật. (8)  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. (9) | 4TN | 3TN, 1TL | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **3TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20 + 5*** | ***20 + 15*** | ***20 + 10*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm).**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

*Tôi là đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai trong rừng già, trên sườn núi cao cheo leo.*

*Mùa xuân đến, từ trên cánh tay và mái tóc của mẹ, từng nụ hoa dẻ nhú ra như quả cầu xanh có tua gai nhỏ. Rồi hoa lớn dần thành những trái dẻ xù xì gai góc. Anh chị em chúng tôi ra đời như thế đó.*

*Chúng tôi lớn lên trong mùa hè nắng lửa, mưa dông. Những cơn mưa ào đến gội ướt đẫm tóc mẹ và tắm mát cho chúng tôi. Nắng làm bỏng rát cả làn da và mái tóc của mẹ.*

*Khi thu về, trái dẻ khô đi, lớp áo gai đã chuyển sang màu vàng cháy. Hạt dẻ căng tròn làm nứt bung cả tấm áo gai xù đã quá chật chội. Tôi vẫn nằm im trong lớp áo gai xù, nép vào một cánh tay của mẹ. Tôi chẳng muốn chui khỏi tấm áo ấm áp, an toàn đó chút nào.*

*Nhưng rồi những ngày thu êm ả cũng trôi qua. Gió lạnh buốt bắt đầu thổi ù ù qua khu rừng. Gió vặn vẹo những cánh tay dẻo dai của mẹ. Gió lay giật tấm thân vững chãi của mẹ. Nhưng mẹ vẫn bền gan đứng trên sườn núi cheo leo.*

*Khi mùa đông đến, tôi cứ thu mình mãi trong tấm áo gai xù ấm áp của họ nhà dẻ gai và nép mãi vào tay mẹ, tóc mẹ. Tôi sợ phải xa mẹ, sợ phải tự sống một mình. Tôi sợ những gì lạ lẫm trong rừng già. Nhưng tôi nghe tiếng mẹ thì thầm:*

*- Bé Út của mẹ, con nhỏ nhất nhà so với các anh chị nhưng con cũng đã lớn rồi đấy. Con là một bé dẻ gai rất khoẻ mạnh. Hãy dũng cảm lên nào, con sẽ bay theo gió và sẽ trở thành một cây dẻ cường tráng trong cánh rừng này nhé!*

*Tôi cố quẫy mình... Tấm áo gai dày và ấm bất chợt bung ra. Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ. Hoá ra tôi là trái dẻ cuối cùng đang nép trên cánh tay vươn cao nhất của mẹ. Mẹ đưa tay theo chiều gió và thì thầm với riêng tôi: “Tạm biệt con yêu quý, hạt dẻ bé bỏng nhất của mẹ. Dù thế nào con cũng sẽ lớn lên, hãy dũng cảm và đón nhận cuộc sống mới nhé!“*

*Tôi bỗng thấy mình bay nhẹ theo làn gió, tung mình vào khoảng không bao la rồi rơi êm xuống thảm lá ấm sực của rừng già... “Tạm biệt mẹ! Con yêu mẹ!”- tôi gọi với theo gió trước khi chìm vào giấc ngủ đông ấm áp. Và tôi mơ...*

(Theo Phương Thanh Trang, trích Câu chuyện của hạt dẻ gai, tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số 12 (465), 2020)

**Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngắn

**Câu 2:** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể thứ mấy? (2)

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ ba

**Câu 3**: Nhân vật chính trongđoạn trích trên là ai? (1)

A. Mẹ Giẻ Gai B. Rừng già C. Thảm lá D. Bé Dẻ Gai

**Câu 4:** Từ “chúng tôi” trong câu chuyện được dùng để chỉ những nhân vật nào? (1)

A. Mẹ, hạt dẻ gai và các anh chị em B. Nhân vật “tôi” và các anh chị em

C. Nhân vật “tôi” và các bạn trong rừng già D. Những hạt dẻ gai trong rừng già

**Câu 5:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: “Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ.”? (7)

A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. Điệp ngữ D. So sánh

**Câu 6:** Vì sao khi mùa đông đến, “tôi” cứ mãi thu mình trong tấm áo gai xù ấm áp? (5)

A. Vì “tôi” nhỏ nhất nhà và chưa đủ lớn. B. Vì “tôi” rất thích tấm áo gai xù ấm áp.

C. Vì “tôi” sợ gió lạnh, sợ mùa đông đến. D. Vì “tôi” sợ xa mẹ, sợ tự lập và những gì lạ lẫm.

**Câu 7**. Trong các từ sau đây từ nào **không** phải là từ láy? (7)

A. An toàn B. Cheo leo C Xù xì D. Ấm áp

**Câu 8**. Hãy tìm 2 từ mà em cho là phù hợp để nêu bật đặc điểm của nhân vật “tôi”. (5)

**Câu 9**. Theo em, hành động “cố quẫy mình... tấm áo gai dày và ấm bất chợt bung ra” của bé dẻ gai chứng tỏ điều gì? (8)

**Câu 10**. Nêu bài học cuộc sống mà em rút được ra từ *câu chuyện của hạt dẻ gai* trong đoạn trích. (9)

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).**

Hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

**ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM).**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | B | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | D | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | HS nêu được 2 từ phù hợp với đặc điểm của nhân vật “tôi” (gợi ý: sợ sệt, dũng cảm, đáng yêu, khỏe mạnh, …). | 1,0 |
| 9 | HS trình bày được ý kiến về hành động của nhân vật bé dẻ gai. | 0.5 |
| 10 | HS nêu được bài học. (Gợi ý: Dũng cảm đối mặt với thử thách trong cuộc sống, chúng ta sẽ nhận về những điều tốt đẹp cho bản thân. | 1.0 |

**II. VIẾT (4.0 ĐIỂM).**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
| *2. Xác định đúng yêu cầu của đề*. | 0,25 |
| Kể về một trải nghiệm |  |
| *3. Kể lại một trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. | 3.0 |
| *4. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
| *5. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0.25 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5 (Xuất sắc)** | **Mức 4 (Giỏi)** | **Mức 3 (Khá)** | **Mức 2 (Trung bình)** | **Mức 1 (Yếu)** |
| **Chọn được trải nghiệm để kể** | Lựa chọn được trải nghiệm sâu sắc. | Lựa chọn được trải nghiệm có ý nghĩa. | Lựa chọn được trải nghiệm để kể. | Lựa chọn được trải nghiệm để kể nhưng chưa rõ ràng. | Chưa có trải nghiệm để kể. |
| **0,5điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Nội dung của trải nghiệm** | Nội dung trải nghiệm phong phú, hấp dẫn, sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục. | Nội dung trải nghiệm phong phú; các sự kiện chi tiết, rõ ràng. | Nội dung trải nghiệm tương đối đầy đủ; sự kiện, chi tiết khá rõ ràng. | Nội dung trải nghiệm còn sơ sài; các sự kiện, chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt. | Chưa rõ nội dung trải nghiêm, viết tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể. |
| **1,5 điểm** | 1.5đ | 1.25đ | 1,0đ | 0,75đ | 0,5đ |
| **Bố cục, tính liên kết của văn bản.** | Trình bày rõ bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục. | Trình bày rõ bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic. | Trình bày được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm để kể** | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng các từ ngữ phong phú, phù hợp. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng. | Chưa thể hiện được cảm xúc trước trải nghiệm được kể. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thống nhất về ngôi kể** | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0,05đ |
| **Diễn đạt** | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ. | Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng. | Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt. | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0,05đ |
| **Trình bày** | Trình bày đúng quy cách văn bản; sạch đẹp, không gạch xoá | Trình bày đúng quy cách văn bản; rõ ràng, không gạch xoá. | Trình bày đúng quy cách văn bản; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xoá. | Trình bày quy cách văn bản còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xoá. | Chưa trình bày đúng quy cách của văn bản; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xoá. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0.05đ |
| **Sáng tạo** | Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0.Iđ | 0,05đ |

**ĐỀ SỐ 6**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2)  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. (3)  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy). (4)  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (5)  - Nêu được chủ đề của văn bản. (6)  - Xác định các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), nghĩa của từ láy được sử dụng trong văn bản. (7)  **Vận dụng**:  - Trình bày ý kiến về hành động của các nhân vật. (8)  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. (9) | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***15+5*** | ***25+15*** | ***20+10*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm).**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**:

**CON THỎ TRẮNG THÔNG MINH**

*Một ngày nọ, thỏ, khỉ và dê rủ nhau lên núi chơi. Đột nhiên chúng phát hiện ra con sói già đang lẻn vào nhà gà và lấy trộm trứng.  
 Dê giọng nhỏ nhẻ: “Con sói kia hung dữ lắm. Chúng ta chi bằng giả vờ không nhìn thấy, cứ để nó trộm. Nếu mình vào nói có khi bị nó ăn thịt mất”.*

*Khỉ tức giận nói: “Làm sao lại để yên khi biết chúng làm việc xấu. Hãy để tôi”. Nói xong, khỉ dũng cảm xông lên: “Con sói già kia, tại sao lại lấy trộm đồ của người khác. Để trứng xuống ngay”.*

*Sói nhìn xung quanh không thấy có người liền hung hãn quát: “Con khỉ to gan nhà ngươi, không muốn sống nữa hả. Ngươi dám chen vào chuyện của tao hả. Hôm nay ngươi sẽ phải chết”, vừa dứt lời con sói già giơ móng vuốt vồ nhanh lấy khỉ.*

*Khỉ hoảng sợ chờ đợi cái chết thì bất ngờ tiếng súng nổ lên. “Sói, đầu hàng đi, ngươi đã bị bao vây”, tiếng bác cảnh sát vang lên. Hóa ra lúc dê và khỉ đang tranh luận cách giải quyết thì thỏ đã nhanh trí chạy đi báo cảnh sát. Vì vậy mà khỉ đã thoát chết và sói đã bị trừng phạt thích đáng.*

(Bài tập Ngữ văn 6, Tập 1, sách ***Kết nối tri thức với cuộc sống***, NXBGD 2020)

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngắn

**Câu 2:** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy? (2)

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ ba

**Câu 3**: Nhân vật chính trongvăn bản trên là ai? (1)

A. Thỏ B. Khỉ C. Thỏ và khỉ D. Sói

**Câu 4:**  Biện pháp tu từ chủ yếu được dùng trong văn bản là nhân hóa đúng hay sai? (7)

A. Sai B. Đúng

**Câu 5:** Chi tiết “thỏ chạy đi báo cảnh sát” thể hiện phẩm chất gì của thỏ? (5)

A. Gan dạ, dũng cảm B. Thông minh, nhanh trí

C. Năng động, hoạt bát D. Nhiệt tình, chăm chỉ

**Câu 6:** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau: Đoạn trích thể hiện tình cảm, cảm xúc … của tác giả đối với loài vật. (3)

A. khen ngợi B. quan tâm C. tự hào D. trân trọng

**Câu 7:** Câu nào sau đây nói đúng chủ đề của đoạn trích? (6)

A. Đoạn trích ca ngợi sự quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

B. Đoạn trích ca ngợi tình cảm của khỉ với gà.

C. Đoạn trích ca ngợi tinh thần đoàn kết của thỏ, khỉ, dê và gà.

D. Đoạn trích ca ngợi sự thông minh, nhanh trí của thỏ.

**Câu 8:** Từ láy **hung hãn** trong câu: *“*Sói nhìn xung quanh không thấy có người liền hung hãn quát” có cùng nghĩa với từ nào sau đây? (7)

A. Hung thần B. Hung tin C. Hung tợn D. Hung khí

**Câu 9:** Theo em, có nên hành động như nhân vật khỉ khi đương đầu với sói không? Vì sao?(8)

**Câu 10:** Qua việc làm của thỏem rút ra được bài học gì? (9)

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).**

Hãy kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM).**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | B | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | C | 0,5 |
| 9 | HS trình bày được ý kiến của mình.  Lí giải được lý do | 1,0 |
| 10 | HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học. | 1,0 |

**II. VIẾT (4.0 ĐIỂM).**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
| *2. Xác định đúng yêu cầu của đề*. | 0,25 |
| Kể về một trải nghiệm |  |
| *3. Kể lại một trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. | 3.0 |
| *4. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
| *5. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0.25 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5 (Xuất sắc)** | **Mức 4 (Giỏi)** | **Mức 3 (Khá)** | **Mức 2 (Trung bình)** | **Mức 1 (Yếu)** |
| **Chọn được trải nghiệm để kể** | Lựa chọn được trải nghiệm sâu sắc. | Lựa chọn được trải nghiệm có ý nghĩa. | Lựa chọn được trải nghiệm để kể. | Lựa chọn được trải nghiệm để kể nhưng chưa rõ ràng. | Chưa có trải nghiệm để kể. |
| **0,5điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Nội dung của trải nghiệm** | Nội dung trải nghiệm phong phú, hấp dẫn, sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục. | Nội dung trải nghiệm phong phú; các sự kiện chi tiết, rõ ràng. | Nội dung trải nghiệm tương đối đầy đủ; sự kiện, chi tiết khá rõ ràng. | Nội dung trải nghiệm còn sơ sài; các sự kiện, chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt. | Chưa rõ nội dung trải nghiêm, viết tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể. |
| **1,5 điểm** | 1.5đ | 1.25đ | 1,0đ | 0,75đ | 0,5đ |
| **Bố cục, tính liên kết của văn bản.** | Trình bày rõ bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục. | Trình bày rõ bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic. | Trình bày được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm để kể** | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng các từ ngữ phong phú, phù hợp. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng. | Chưa thể hiện được cảm xúc trước trải nghiệm được kể. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thống nhất về ngôi kể** | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0,05đ |
| **Diễn đạt** | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ. | Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng. | Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt. | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0,05đ |
| **Trình bày** | Trình bày đúng quy cách văn bản; sạch đẹp, không gạch xoá | Trình bày đúng quy cách văn bản; rõ ràng, không gạch xoá. | Trình bày đúng quy cách văn bản; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xoá. | Trình bày quy cách văn bản còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xoá. | Chưa trình bày đúng quy cách của văn bản; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xoá. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0.05đ |
| **Sáng tạo** | Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0.Iđ | 0,05đ |

**ĐỀ SỐ 7**

**ĐỀ 1: Đọc-hiểu *(6.0 điểm)***

**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

**CHIẾC LÁ**

*Chim sâu hỏi chiếc lá:*

*- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!*

*- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.*

*- Bạn đừng có giấu! Nếu bình thường vậy, sao bông hoa kia lại có vẻ rất biết ơn bạn?*

*- Thật mà! Cuộc đời tôi rất bình thường. Ngày nhỏ, tôi là một búp non. Tôi lớn dần lên thành một chiếc lá và cứ là chiếc lá như thế cho đến bây giờ.*

*- Thật như thế sao? Đã có lần nào bạn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời đem lại niềm vui cho mọi người như trong các câu chuyện cổ tích mà bác gió thường rì rầm kể suốt đêm chưa?*

*- Chưa! Chưa một lần nào tôi biến thành một thứ gì khác tôi cả. Suốt đời tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi, bình thường.*

*- Thế thì chán thật! Bông hoa kia đã làm tôi thất vọng. Hoa ơi, bạn chỉ khéo bịa chuyện.*

*- Tôi không bịa chút nào đâu. Mãi mãi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế. Chính nhờ họ mới có chúng tôi – những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn vừa nói đến.*

(Trần Hoài Dương *– Những truyện hay viết cho thiếu nhi*– NXB Kim Đồng.2020)

**Câu 1.** Tác phẩm *“Chiếc lá”* của Trần Hoài Dương thuộc thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Truyện ngắn | B. Truyện dài |
| C. Truyện đồng thoại | D. Thơ trữ tình |

**Câu 2.** Dòng nào dưới đây nêu đúng ngôi kể và người kể trong câu chuyện?

A. Ngôi kể thứ nhất, chim sâu là người kể chuyện

B. Ngôi kể thứ nhất, chiếc lá là người kể chuyện

C. Ngôi kể thứ nhất, người kể giấu mặt

D. Ngôi kể thứ ba, người kể giấu mặt

Câu 3. Câu chuyện gồm có những nhân vật nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chim sâu, chiếc lá, bông hoa | B. Chim sâu, quả, bông hoa |
| C. Chiếc lá, bông hoa, quả | D. Chiếc lá, chim sâu, con người |

Câu 4. Các nhân vật trong câu chuyện trở nên có hồn, gần gũi hơn với con người nhờ việc sử dụng biện pháp tu từ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A.Nhân hóa | B. So sánh |
| C. Liệt kê | D. Ẩn dụ |

Câu 5. Từ *“bình thường”* có nghĩa là?

A. Rất thường, không có gì đặc sắc, đặc biệt (hàm ý chê)

B. Ở mức độ cao, đến mức thấy khác thường, thấy ngạc nhiên

C. Không phải thường lệ, không giống như thường lệ

D. Không có gì khác thường, không có gì đặc biệt

Câu 6. Hình ảnh *“ngôi sao”, “vầng mặt trời”* trong những câu chuyện mà bông hoa nhắc đến tượng trưng cho những cuộc sống như thế nào?

|  |
| --- |
| A. Cuộc sống bình lặng, giản đơn, giấu mình B. Cuộc sống tươi sáng, rạng ngời, vui vẻ |
| C. Cuộc sống kì diệu, vĩ đại, tỏa sáng D. Cuộc sống đơn giản, âm thầm nhưng tỏa sáng |

Câu 7. Nhận xét nào sau đây nêu đúng đặc điểm chiếc lá trong câu chuyện?

A. Nhỏ bé, khiêm tốn, sống một cuộc đời tươi đẹp, rực rỡ, đầy hương sắc

B. Nhỏ bé, khiêm tốn, sống một cuộc đời bình dị nhưng rất ý nghĩa

C. Nhỏ bé nhưng kiêu căng, sống một cuộc đời rất bình thường

D. Nhỏ bé, bình dị, sống không hòa hợp với các sự vật xung quanh

Câu 8. Vì sao bông hoa lại kính trọng những chiếc lá?

A. Vì nhờ chiếc lá mà hoa đẹp, lộng lẫy hơn

B. Vì nhờ có chiếc lá mới có hoa, có quả, có những niềm vui

C. Vì lá không đẹp bằng những bông hoa

D. Vì nhờ hoa mà mới có lá, có quả, có những niềm vui

Câu 9. Nếu là chiếc lá, em có muốn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời không? Vì sao?

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |
| **1** | C |
| **2** | D |
| **3** | A |
| **4** | A |
| **5** | D |
| **6** | C |
| **7** | B |
| **8** | B |
| **9** | HS có thể lựa chọn cách trả lời: muốn như chiếc lá hoặc muốn biến thành hoa, quả, ngôi sao, mặt trời. Lý giải sự lựa chọn của bản thân.  Ví dụ:  + Tình huống 1: Em muốn như chiếc lá, muốn là một người bình thường làm tròn nhiệm vụ, công việc của mình.  + Tình huống 2: Em muốn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời. Vì em muốn vượt ra khỏi giới hạn của bản thân trở nên tỏa sáng, được nhiều người biết đến, ngưỡng mộ,… |
| **10** | - HS nêu được cụ thể bài học  Ví dụ:  + Mọi người, mọi vật dù bình thường nhất đều có ích, đều có thể đem lại niềm vui.  + Hãy biết quý trọng những người bình thường  - Nêu được ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do rút ra bài học ấy. |

**ĐỀ SỐ 8**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

**CÂU CHUYỆN ỐC SÊN**

*Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ:*

*- Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!*

*- Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh - Ốc sên mẹ nói.*

*- Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"*

*- Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy.*

*- Nhưng em giun đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hoá được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?*

*- Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy.*

*Ốc sên con bật khóc, nói:*

*- Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta.*

*- Vì vậy mà chúng ta có cái bình! - Ốc sên mẹ an ủi con - Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta.*

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Thanh niên, 2009)

**Câu 1**. “Câu chuyện ốc sên” được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyền thuyết D. Thần thoại.

**Câu 2**. Tác phẩm được kể bằng lời của ai? (2)

A. Lời của Ốc sên con. B. Lời của Ốc sên mẹ.

C. Lời của người kể chuyện. D. Lời của Ốc sên mẹ và Ốc sên con.

**Câu 3.** Câu chuyện có mấy nhân vật chính? (1)

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 4**. Cho biết câu văn sau là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp"mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra lại phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!"(3)

A. Trực tiếp B. Gián tiếp

**Câu 5**. Vì sao Ốc sên con lại bật khóc và cảm thấy mình đáng thương? (1)

A. Vì phải đeo cái bình vừa nặng, vừa cứng trên lưng.

B. Vì cơ thể không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò.

C. Vì không được bầu trời bảo vệ, lòng đất cũng chẳng che chở.

D. Vì Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh.

**Câu 6**.  Em hiểu thế nào về câu nói của Ốc sên mẹ: “Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta phải dựa vào chính bản thân chúng ta”? (7)

A. Chúng ta phải tin vào chính bản thân mình, biết trân trọng, yêu quý.

B. Không nên tị nạnh, so đo với người khác và cũng chẳng phải dựa vào ai.

C. Chúng ta phải tin rằng mình có nhiều đặc điểm mà người khác không có được.

D. Biết chấp nhận hoàn cảnh, cố gắng vươn lên, dựa vào nội lực của chính mình.

**Câu 7**. Phép tu từ được người viết sử dụng trong văn bản trên. (8)

A. Hoán dụ. B. Nhân hóa. C. So sánh. D. Ẩn dụ

**Câu 8:** Ốc Sên đã tự so sánh mình với nhữngai? (7)

A. Với mẹ Ốc Sên B. Với Giun Đất và Bướm

C. Với Sâu Róm và Bướm D. Với Giun Đất và Sâu Róm

**Câu 9**. Trình bày quan điểm của em về thông điệp được đặt ra trong văn bản. (9)

**Câu 10**. Em có đồng ý với cách suy nghĩ và hành động của Ốc sên con trong câu chuyện không? Vì sao? (10)

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất. | 1,0 |
| **10** | HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình. | 1,0 |

**ĐỀ SỐ 9**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau:

**Xương Rồng và Cúc Biển**

*Xương Rồng sống ở bãi cát ven biển đã lâu mà chẳng được ai để ý đến. Bông Cúc Biển thấy lão sống lặng lẽ quá nên xin đến ở chung. Lão hơi khó chịu nhưng vẫn đồng ý. Một hôm, đàn bướm nọ bay ngang qua, kêu lớn:*

*- Ôi, bác Xương Rồng nở hoa đẹp quá!*

*Xương Rồng hồi hộp chờ Cúc Biển lên tiếng nhưng nó chỉ im lặng, mỉm cười. Nhiều lần được khen, lão vui vẻ ra mặt.*

*Thời gian trôi qua, hết Xuân đến Hè, hoa Cúc Biển tàn úa. Vài chú ong nhìn thấy liền cảm thán:*

*- Thế là đến thời hoa Xương Rồng tàn héo!*

*Nghe mọi người chê, Xương Rồng liền gân cổ cãi:*

*- Ta chẳng bao giờ tàn héo cả. Những bông hoa kia là của Cúc Biển đấy!*

*Cúc Biển chẳng nói gì nhưng không cười nữa. Đợi chị gió bay qua, nó xin chị mang mình theo đến vùng đất khác.*

*Mùa Xuân đến, bướm ong lại bay qua nhưng chẳng ai còn để ý đến Xương Rồng nữa. Lão tiếp tục sống những ngày tháng cô độc như trước.*

(Trích từ tập sách *Giọt sương chạy trốn* của Lê Luynh,

NXB Kim Đồng 2020)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**.Câu chuyện “Xương Rồng và Cúc Biển” được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích **B. Truyện đồng thoại**

C. Truyền thuyết D. Thần thoại.

**Câu 2**. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?(2)

A. Lời của nhân vật Xương Rồng. B. Lời của Cúc Biển.

**C. Lời của người kể chuyện.** D. Lời của Xương Rồng và Cúc Biển

**Câu 3.** Câu chuyện có mấy nhân vật chính? (1)

A. Một **B. Hai**  C. Ba D. Bốn

**Câu 4**. Từ “mùa xuân” trong văn bản được hiểu theo nghĩa gốc, đúng hay sai?(3)

**A. Đúng.** B. Sai.

**Câu 5**. Cúc Biển giúp Xương Rồng không cô độc bằng cách nào? (1)

A. Cúc Biển trò chuyện vui vẻ cùng Xương Rồng

B. Cúc Biển rủ Xương Rồng đi chơi

**C. Cúc Biển xin đến nhà Xương Rồng ở chung**

D. Xương Rồng đến nhà Cúc Biển ở chung

**Câu 6**. Cử chỉ, hành động của Cúc Biển lặng lẽ, mỉm cười khi Xương Rồng hiểu nhầm đàn bướm khen Xương rồng, thể hiện phẩm chất gì của Cúc Biển?(7)

A. Đoàn kết

B. Tự tin

**C.** Dũng cảm

D. **Khiêm tốn**

**Câu 7**. Nêu tên biện pháp tu từ sử dụng trong câu sau:  *Mùa Xuân đến, bướm ong lại bay qua nhưng chẳng ai còn để ý đến Xương Rồng nữa. Lão tiếp tục sống những ngày tháng cô độc như trước.*(8)

A. Hoán dụ. **B. Nhân hóa.**

C. So sánh D. Ẩn dụ

Câu 8. Vì sao Cúc Biển muốn sống cùng Xương Rồng nhưng cuối cùng Cúc Biển lại bỏ đi?(7)

**A. Vì Cúc Biển thất vọng về Xương Rồng**

B. Vì Cúc Biển không muốn ở đó nữa

C. Vì Cúc Biển muốn đi nơi khác vui hơn

D. Vì Cúc Biển muốn có thêm bạn mới

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện “Xương Rồng và Cúc Biển.(9)

**Câu 10**. Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Xương Rồng trong câu chuyện không? Vì sao? (10)

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ SỐ 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất. | 1,0 |
| **10** | HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình. | 1,0 |

**ĐỀ SỐ 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng (điểm)** | | | ***2.0*** | ***0.5*** | ***2.0*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **1. Truyện đồng thoại** | **Nhận biết:**  **-** Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, các biện pháp tu từ.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài  - Xây dựng bố cục, sự việc chính  **Thông hiểu:**  - Giới thiệu được trải nghiệm  - Trình bày được các sự việc, diễn biến, địa điểm, thời gian, nhân vật, sự việc, hành động, ngôn ngữ  - Tập trung vào sự việc chính  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất  **Vận dụng:**  - Trình bày được tác động của trải nghiệm đối với bản thân  - Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện phù hợp  - Biết lựa chọn sự việc, chi tiết, sắp xếp diễn biến câu chuyện mạch lạc, logic  **Vận dụng cao:**  **-** Sáng tạo trong cách kể chuyện: vận dụng các biện pháp tu từ, kết hợp các phương thức biểu đạt,…  - Biết lựa chọn câu chuyện có ý nghĩa, mang thông điệp sâu sắc và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | | **1\*** | **1\*** | **1\*\*** | **1\*** |
| **Tổng** | | | |  | **4 TN 1\*** | **4TN 1\*** | **2 TL 1\*** | **1\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN NGỮ VĂN 6**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Mùa xuân đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.*

*Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man, Mèn ta chợt nghĩ bụng: Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không? Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra. Và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.*

*(Theo Đoàn Công Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò)*

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

A. Truyện cổ tích

B. Truyện truyền thuyết

C. Truyện ngụ ngôn

D. Truyện đồng thoại

**Câu 2.** Trong câu: “*Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.”, từ láy là từ nào sau đây?*

A. Nồng nàn

B. Cỏ hoa

C. Vui tươi

D. Đất trời

**Câu 3.** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4.** Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Dế Mèn và cỏ hoa

B. Dế Mèn và hai con Chim Én

C. Dế Mèn và cọng cỏ khô

D. Hai con Chim Én và bầu trời

**Câu 5.** Hai con Chim Én đã có hành động, suy nghĩ gì khi thấy Dế Mèn thơ thẩn một mình?

A. Xuống chơi cùng Dế Mèn.

B. Rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời bằng cách cho Mèn ngậm vào giữa cọng cỏ khô.

C. Bảo Dế Mèn ra chơi với cỏ hoa và chơi với các bạn hàng xóm.

D. Cho Dế Mèn lên lưng mình và chở Dế Mèn đi chơi ở trên không.

**Câu 6.** Trong đoạn trích trên, vì sao Dế Mèn lại bị rơi xuống đất?

A. Dế Mèn bị mỏi quá không theo được với Chim Én.

B. Dế Mèn không còn thích thú với cuộc chơi.

C. Dế Mèn giận dỗi với Chim Én.

D. Dế Mèn muốn đi chơi một mình cho sướng.

**Câu 7.**Câu “*Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời”, sử dụng biện pháp tu từ gì*?

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

**Câu 8.** Suy nghĩ của Dế Mèn: “*Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”,* thể hiện đặc điểm nào trong tính cách của nhân vật?

A. Ích kỉ

B. Toan tính

C. Vụ lợi

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 9**. **(1.0 điểm)** Trong đoạn trích trên, việc làm của hai con Chim Én đã thể hiện những phẩm chất tốt đẹp nào?

**Câu 10. (1.0 điểm)** Qua đoạn trích trên, em đã rút ra được những bài học bổ ích gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4,0 điểm):**

Trong cuộc sống, chắc hẳn em đã từng có rất nhiều trải nghiệm thú vị để lại trong em nhiều ấn tượng khó quên. Hãy viết bài văn (khoảng 1 trang giấy) kể lại một trong những trải nghiệm đáng nhớ đó.

----Hết----

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I**  **ĐỌC HIỂU** |  | | **6,0** |
| **1** | **D** | 0,5 |
| **2** | **A** | 0,5 |
| **3** | **C** | 0,5 |
| **4** | **B** | 0,5 |
| **5** | **B** | 0,5 |
| **6** | **D** | 0,5 |
| **7** | **B** | 0,5 |
| **8** | **D** | 0,5 |
| **9** | HS có thể nêu một vài phẩm chất sau: (chỉ cần nêu được hai phẩm chất)  - Hai con Chim Én có phẩm chất tốt bụng, tặng cho Dế Mèn có một chuyến du ngoạn đầy thú vị.  - Có lòng yêu thương đồng loại, thân thiện, hòa đồng, sẵn sàng giúp đỡ người khác… | 1,0 |
| **10** | HS có thể nêu được một số các bài học sau: (chỉ cần nêu được hai bài học)  - Bài học về lối sống ích kỉ, toan tính.  - Bài học về cách cho và nhận, về sự hợp tác và chia sẻ.  - Bài học về niềm tin trong cuộc sống. Con người cần tin tưởng lẫn nhau thì cuộc sống mới thoải mái và nhẹ nhàng.  …. | 1,0 |
|  |  | | |
| **II**  **VIẾT** | **1** | **Học sinh cần đảm bảo những yêu cầu sau:** |  |
| **Nhận biết:**  - Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự.  - Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0.25  0.25 |
|  | **Thông hiểu:**  - Giới thiệu chung về trải nghiệm đáng nhớ.  - Trình bày được các diễn biến của sự việc theo trình tự hợp lí.  - Tập trung vào sự việc để lại ấn tượng sâu sắc cho bản thân hoặc giúp bản thân rút ra bài học đáng nhớ.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  - Diễn đạt mạch lạc, logic. | 1.5 |
|  | **Vận dụng:**  - Trình bày được những ấn tượng của trải nghiệm đối với bản thân.  - Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện phù hợp.  - Biết lựa chọn sự việc, chi tiết đặc sắc, sắp xếp diễn biến câu chuyện mạch lạc, logic. | 1.0 |
|  | **Vận dụng cao:**  **-** Sáng tạo trong cách kể chuyện: vận dụng các biện pháp tu từ, kết hợp các phương thức biểu đạt,…  - Biết lựa chọn câu chuyện có ý nghĩa, mang đến cho bản thân những bài học, ý nghĩa nhân văn và thể hiện cảm xúc của mình. | 1.0 |